

Phụ lục 1:
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CẦN TẬP TRUNG THÁO GỖ KHÓ KHĂN, VƯỞNG MẮC ĐỀ SỚM ĐƯA VÀO HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025
(Kèm theo Công văn số /UBND-THĐT ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Đơn vị giao theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án (theo nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực)	Thời gian khởi công		Dự kiến thời gian hoàn thành		Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Năng lực mới tăng thêm	
				Tháng	Năm	Quý	Năm		Năng lực/ công suất thiết kế	Đơn vị tính
	Tổng số							48.716.154		
1	Trang trại chăn nuôi lợn Giao Thiện, huyện Lang Chánh.	CTCP đầu tư Nông nghiệp TP Việt Nam	Sở Nông nghiệp và Môi trường	8	2021	Quý IV	2025	121.168	11.000	Con/năm
2	Trang trại chăn nuôi lợn thịt Cẩm Phú tại xã Cẩm phú, huyện Cẩm Thủy.	Công ty TNHH XD -VT Thành Tín	Sở Nông nghiệp và Môi trường	3	2024	Quý IV	2025	24.000	103.568	m2
3	Trang trại chăn nuôi lợn thịt Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy.	Công ty TNHH XD - VT Thành Tín	Sở Nông nghiệp và Môi trường	3	2024	Quý IV	2025	60.000	103.568	m2
4	Trang trại chăn nuôi vịt tại xã Thành Long, huyện Thạch Thành.	Công ty Cổ phần Đầu tư Thuận Thành Phát	Sở Nông nghiệp và Môi trường	8	2024	Quý III	2025	96.800	90.000	Con/lứa
5	Chăn nuôi gà quy mô lớn theo quy trình nuôi công nghiệp công nghệ cao, huyện Triệu Sơn.	Công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ Phú Thành	Sở Nông nghiệp và Môi trường	12	2023	Quý IV	2025	60.000	0,2	Triệu sản phẩm
6	Trang trại tổng hợp Xuân Thắng, huyện Thường Xuân.	Công ty CP Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thắng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	12	2023	Quý II	2025	202.000	14.600	Lợn/lứa
7	Trang trại chăn nuôi công nghiệp tập trung Xuân Hòa, huyện Như Xuân.	Công ty CP Lam Sơn Như Xuân	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1	2023	Quý IV	2025	346.000	50.000	Lợn thịt/ năm
8	Nhà máy sản xuất nước trái cây tại xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lặc.	Công ty cổ phần Xuân Thiện Thanh Hóa 2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	5	2023	Quý IV	2025	480.000	50.000	Tấn sản phẩm/năm
9	Nhà máy sản xuất, chế biến tinh bột nghệ Nhật Long, Thọ Xuân.	Công ty Cổ phần Phân bón Nhật Long Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	3	2023	Quý III	2025	65.000	19.500	m2
10	Nhà máy chế biến nông sản Luận Thành, Thường Xuân.	Công ty TNHH Lan Anh TD	Sở Nông nghiệp và Môi trường	9	2023	Quý II	2025	75.000	60,0	Nghìn tấn củ sắn tươi/ năm
11	Dự án chế biến lâm sản tre luồng tại xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh	Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Lang Chánh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	7	2025	Quý IV	2025	70.721		Sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện.
12	Nhà máy chế biến giống cây trồng và gia công, sang chai, đóng gói vật tư Bảo vệ thực vật	Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2	2025	Quý IV	2025	172.000	7.700,0	Tấn thành phẩm/năm
13	Nhà máy chế biến nông sản Luận Thành	Công ty cổ phần Lan Anh TD	Sở Nông nghiệp và Môi trường	7	2024	Quý IV	2025	135.000	90.000,0	Tấn sản phẩm/năm
14	Nhà máy chế biến nông sản chất lượng cao Vinagreen	Công ty CP đầu tư phát triển Vinagreen	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2	2024	Quý II	2025	200.000	100.000,0	Tấn sản phẩm/năm
15	Nhà máy phụ liệu Hapy star Bim Sơn.	Nhà máy phụ liệu Hapy star	Sở Công Thương	10	2022	Quý II	2025	58.000	3.212,0	Tấn/năm
16	Cơ sở sản xuất, gia công phụ kiện phục vụ ngành may mặc, giày da Thạch Bình tại xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành.	Công ty TNHH đầu tư và sản xuất kinh doanh Thạch Bình	Sở Công Thương	12	2024	Quý IV	2025	75.000	800	Công nhân

Số TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Đơn vị giao theo dõi, hướng dẫn, đơn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án (theo nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực)	Thời gian khởi công		Dự kiến thời gian hoàn thành		Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Năng lực mới tăng thêm	
				Tháng	Năm	Quý	Năm		Năng lực/công suất thiết kế	Đơn vị tính
17	Dự án OCEANUS OUTWEAR Bim Sơn (GD2).	Công ty TNHH OCEANUS OUTWEAR - CN Thanh Hóa	Sở Công Thương	1	2025	Quý IV	2025	79.994	8.000	Sản phẩm/năm
18	Nhà máy may của CÔNG TY TNHH MAY SUNJUNJIE VIỆT NAM, Yên Định.	CÔNG TY TNHH MAY SUNJUNJIE VIỆT NAM	Sở Công Thương	7	2024	Quý II	2025	43.560	3,0	Triệu sản phẩm/năm
19	Gia công may mặc xuất khẩu tại xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa.	Công ty Long Thành Hưng	Sở Công Thương	2	2025	Quý IV	2025	25.000	250,0	Nghìn sản phẩm/năm
20	Công ty TNHH HP VINA GERMENT, huyện Thiệu Hóa.	Công ty TNHH HP VINA GERMENT	Sở Công Thương	1	2024	Quý II	2025	44.500	3,0	Triệu sản phẩm/năm
21	Nhà máy giấy Hongzang, huyện Hoằng Hóa.	Công ty TNHH Công nghệ quốc tế Hongzhan	Sở Công Thương	1	2024	Quý II	2025	200.000	1,5	Triệu sản phẩm/năm
22	Nhà máy may Thành Lộc tại xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc.	Công ty TNHH một thành viên YTA	Sở Công Thương	7	2024	Quý IV	2025	80.000	1,9	Triệu sản phẩm/năm
23	Công ty TNHH OCEANUS OUTWEAR Bim Sơn.	Công ty TNHH OCEANUS OUTWEAR - CN Thanh Hóa	Sở Công Thương	2	2023	Quý III	2025	78.000	200.000	Sản phẩm/năm
24	Nhà máy Giấy Bá Thước - Giai đoạn 2.	Công ty cổ phần giấy Bá Thước	Sở Công Thương	11	2024	Quý IV	2025	236.050	2,0	Triệu sản phẩm/năm
25	Nhà máy giấy Thạch Định tại xã Thạch Định, huyện Thạch Thành.	Công ty cổ phần giấy Thạch Định	Sở Công Thương	10	2024	Quý IV	2025	359.200	5,0	Triệu sản phẩm/năm
26	Nhà máy sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giấy tại khu CN1, CCN thị trấn Quán Lào của CÔNG TY TNHH GIẤY ARESA VIỆT NAM, huyện Yên Định.	CÔNG TY TNHH GIẤY ARESA VIỆT NAM	Sở Công Thương	1	2023	Quý II	2025	718.170	100,0	Triệu sản phẩm/năm
27	Nhà máy sản xuất, gia công nguyên phụ liệu ngành giấy tại khu CN4-2 của CÔNG TY TNHH WEILINA VIỆT NAM, huyện Yên Định.	CÔNG TY TNHH WEILINA VIỆT NAM	Sở Công Thương	10	2023	Quý II	2025	933.621	20,0	Triệu sản phẩm/năm
28	Nhà máy sản xuất gia công giấy dép xuất khẩu tại khu CN4-1, CCN thị trấn Quán Lào của CÔNG TY TNHH WEILINA VIỆT NAM, huyện Yên Định.	CÔNG TY TNHH WEILINA VIỆT NAM	Sở Công Thương	9	2022	Quý II	2025	981.499	17,2	Triệu sản phẩm/năm
29	Nhà máy giấy Longyi tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân.	Công ty cổ phần phân bón Nhật Long	Sở Công Thương	2	2024	Quý II	2025	250.000	2,0	Ha
30	Mở rộng Nhà máy may xuất khẩu Minh Anh, huyện Thọ Xuân.	Công ty cổ phần may Minh Anh Thọ Xuân	Sở Công Thương	12	2023	Quý II	2025	550.000	18,5	Triệu sản phẩm/năm
31	Nhà máy may mặc giấy, huyện Triệu Sơn.	Công ty TNHH đầu tư xây dựng - xuất nhập khẩu thương mại Việt Lào	Sở Công Thương	5	2023	Quý II	2025	60.000	2,0	Triệu đôi/năm
32	Công ty gia công giấy dép SunJaDe, huyện Triệu Sơn.	Công ty gia công giấy dép SunJaDe- Thị trấn Triệu Sơn	Sở Công Thương	6	2023	Quý II	2025	250.000	7,0	Triệu sản phẩm/năm
33	Nhà máy giấy ALIVIA, huyện Thiệu Hóa.	Công ty Hoa Lợi	Sở Công Thương	1	2025	Quý IV	2025	350.000	6,2	Triệu sản phẩm/năm

Số TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Đơn vị giao theo dõi, hướng dẫn, đơn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án (theo nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực)	Thời gian khởi công		Dự kiến thời gian hoàn thành		Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Năng lực mới tăng thêm	
				Tháng	Năm	Quý	Năm		Năng lực/công suất thiết kế	Đơn vị tính
34	Công ty TNHH Giấy Kim An, huyện Nga Sơn.	CÔNG TY TNHH GIẤY KIM AN	Sở Công Thương	1	2025	Quý III	2025	200.000	3,5	Triệu sản phẩm/năm
35	Công ty TNHH Rosviet Như Xuân, huyện Như Xuân.	Công ty TNHH Rosviet Như Xuân	Sở Công Thương	7	2024	Quý II	2025	20.000	3,0	Triệu sản phẩm/năm
36	Nhà máy may mặc và linh phụ kiện giấy, huyện Quảng Xương.	Công ty TNHH T&P New Star	Sở Công Thương	1	2025	Quý II	2025	45.000	1,3	Triệu sản phẩm/năm
37	Nhà máy sản xuất các sản phẩm phụ trợ ngành giấy, thị xã Nghi Sơn.	Công ty CP xây dựng và phát triển Quang Minh	Sở Công Thương	1	2025	Quý II	2025	14.800	6.000	Nghìn sản phẩm/năm
38	Nhà máy sản xuất nút xốp các loại, CCN Bắc Hoàng Hóa	Crecimiento Industrial Company Limited	Sở Công Thương			Quý IV	2025	241.000	12	Triệu sản phẩm/năm
39	Nhà máy sản xuất giấy xuất khẩu, CCN Hòa Lộc	Công ty TNHH giấy Kalebo Việt Nam	Sở Công Thương			Quý II	2025	58.000	1,20	Triệu sản phẩm/năm
40	Nhà máy sản xuất, gia công giày, dép xuất khẩu, CCN Liên Hoa	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Lam Kinh	Sở Công Thương			Quý IV	2025	558.000	9,00	Ha
41	Nhà máy giày Kim Doanh	Công ty TNHH giày Kim Doanh	Sở Công Thương			Quý IV	2025	718.000	9,80	Triệu sản phẩm/năm
42	Nhà máy sản xuất viên nén gỗ năng lượng sinh học tại xã Tân Thành, huyện Thường Xuân.	Công ty cổ phần năng lượng sinh học Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1	2025	Quý III	2025	339.000	180.000	Tấn sản phẩm/năm
43	Nhà máy sản xuất giấy bao bì Miza Nghi Sơn (GD 2).	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	6	2019	Quý IV	2025	2.900.000	170	Nghìn sản phẩm/năm
44	Nhà máy sản xuất Formalin, keo dán gỗ và dầu mỡ bôi trơn, thị xã Bim Sơn.	Công ty TNHH sản xuất thương mại Bắc Sơn	Sở Công Thương	1	2025	Quý III	2025	60.000	50.000,0	Tấn sản phẩm/năm
45	Nhà máy sản xuất bao bì PP, thị xã Nghi Sơn.	Công ty CP dịch vụ XNK An Bình	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	7	2023	Quý II	2025	80.000	15,0	Triệu vò/năm
46	Nhà máy chế biến giống cây trồng, gia công sang chai đóng gói vật tư nông nghiệp, thị xã Nghi Sơn.	Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	1	2025	Quý IV	2025	173.000	10.800,0	Tấn sản phẩm/năm
47	Nhà máy INTCO VIỆT NAM, thị xã Bim Sơn.	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP INTCO VIỆT NAM	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	3	2024	Quý IV	2025	2.796.000	35.862,0	Tấn sản phẩm/năm
48	Nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông cốt thép công nghệ cao Đại Dương, thị xã Nghi Sơn.	Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Đại Dương	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	7	2024	Quý IV	2025	1.098.500	1,8	Triệu sản phẩm/năm
49	Nhà máy sản xuất xi măng Đại Dương 2 - Nghi Sơn.	Công ty cổ phần xi măng Đại Dương	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	10	2021	Quý II	2025	3.354.000	2,3	Triệu tấn sản phẩm/năm
50	Dây chuyền 3, 4 Nhà máy Xi măng Long Sơn.	Công ty TNHH Long Sơn	Sở Công Thương	8	2020	Quý IV	2025	7.700.000	4,6	Triệu tấn sản phẩm/năm
51	Nhà máy sản xuất kinh doanh và XNK chế phẩm Molybden công nghệ cao Hua long - Bim Sơn.	Công ty TNHH Hua Long Moly Việt Nam	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	5	2023	Quý III	2025	190.000	2.900,0	Tấn sản phẩm/năm
52	Xưởng gia công chế tạo cơ khí tại phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn.	Công ty cổ phần đầu tư tài chính Nghi Sơn	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	4	2023	Quý II	2025	50.000	500,0	Tấn sản phẩm/năm
53	Nhà máy Luyện cán thép Nghi Sơn số 2.	Công ty cổ phần gang thép Nghi Sơn	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	1	2022	Quý II	2025	4.787.000	3,0	Triệu tấn sản phẩm/năm

Số TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Đơn vị giao theo dõi, hướng dẫn, đơn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án (theo nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực)	Thời gian khởi công		Dự kiến thời gian hoàn thành		Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Năng lực mới tăng thêm	
				Tháng	Năm	Quý	Năm		Năng lực/công suất thiết kế	Đơn vị tính
54	Xưởng sản xuất, gia công cửa và kết cấu thép Thạch Sơn, huyện Thạch Thành.	Công ty TNHH thương mại vận tải Đại Sử	Sở Công Thương	8	2024	Quý IV	2025	25.800	1,1	Ha
55	Cụm CN Làng nghề Tiến Lộc - Hậu Lộc.	Cty CP Đầu tư và PT Dịch vụ Hoàng Gia	Sở Công Thương	9	2023	Quý II	2025	52.800		
56	Nhà máy chế tạo và gia công cơ khí Eco, Nghi Sơn.	Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật cơ điện Eco	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	8	2024	Quý II	2025	8.000	250.000	Sản phẩm/năm
57	Nhà máy cơ khí công nghệ cao Nghi Sơn.	Công ty cổ phần cơ khí chế tạo Đại Dũng Nghi Sơn	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	5	2024	Quý IV	2025	913.808	50.000	Tấn sản phẩm/năm
58	Nhà máy sản xuất bóng đèn led xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn.	Công ty TNHH xây dựng Hoàng Trung Sơn	Sở Công Thương	2	2025	Quý III	2025	250.000	10,0	Triệu sản phẩm/năm
59	Nhà máy sản xuất đồ chơi trẻ em thông minh xuất khẩu, KCN Lễ Môn, thành phố Thanh Hóa.	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MỚI JIAYIVIỆT NAM	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	1	2025	Quý II	2025	16.250	1.872,0	Nghìn sản phẩm/năm
60	Nhà máy sản xuất sản phẩm trang trí công nghệ thân thiện với môi trường, thị xã Bim Sơn.	Công ty TNHH công nghiệp INTCO VN	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	3	2021	Quý IV	2025	625.000	13,7	Triệu sản phẩm/năm
61	Khu sản xuất thiếp Thủ Công Mỹ Nghệ tại xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành.	Công ty TNHH Kiricard	Sở Công Thương	8	2024	Quý IV	2025	20.000	1,1	Ha
62	Nhà máy sản xuất đồ chơi nhồi bông, CCN Bắc Hoàng Hóa	Công ty TNHH SQ TOYS VINA	Sở Công Thương	7	2024	Quý IV	2025	175.000	6,0	Triệu sản phẩm/năm
63	Nhà máy đốt rác thải sinh hoạt phát điện tại phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn.	Công ty TNHH năng lượng môi trường Tianyu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1	2023	Quý IV	2025	1.025.000	500,0	Tấn/ngày, đêm
64	Khu dân cư Sao Mai tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân.	Công ty cổ phần tập đoàn Sao Mai	Sở Xây dựng	12	2021	Quý II	2025	580.000	65,0	Ha
65	Đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng KCN Lam Sơn - Sao Vàng, Thọ Xuân (Đã hoàn thành giai đoạn 1).	Liên danh Nhà đầu tư: Công ty CP Tập đoàn ĐTXD Cường Thịnh Thi và Công ty CP Tập đoàn XD Miền Trung	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	10	2024	Quý III	2025	3.255.000	100,0	Ha
66	Mở rộng mạng lưới nhà máy nước Lam Sơn - Sao Vàng.	Công ty cổ phần lam sơn sao vàng	Sở Xây dựng		2023	Quý IV	2025	300.000		
67	Dự án số 2, khu đô thị Sao Mai Lam Sơn.	Công ty cổ phần tập đoàn sao Mai	Sở Xây dựng		2023	Quý IV	2025	897.000		
68	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc.	Công ty cổ phần HT Việt Nga	Sở Công Thương	12	2022	Quý IV	2025	160.000	35,0	Ha
69	Cụm CN Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc.	Công ty TNHH BNB Hà nội	Sở Công Thương	9	2019	Quý III	2025	205.613	30,0	Ha
70	Cụm công nghiệp Thọ Minh, huyện Thọ Xuân.	Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Thanh Hóa	Sở Công Thương	8	2024	Quý IV	2025	230.000	14,0	Ha
71	Cụm công nghiệp Xuân Lai, huyện Thọ Xuân.	Công ty CP đầu tư và phát triển Xuân Lai	Sở Công Thương	5	2022	Quý II	2025	250.000	15,0	Ha

Số TT	Tên dự án	Nhà đầu tư	Đơn vị giao theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án (theo nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực)	Thời gian khởi công		Dự kiến thời gian hoàn thành		Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Năng lực mới tăng thêm	
				Tháng	Năm	Quý	Năm		Năng lực/công suất thiết kế	Đơn vị tính
72	Cụm Công nghiệp Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân.	Công ty CP Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam	Sở Công Thương	4	2024	Quý II	2025	280.000	18,0	Ha
73	Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân.	Công ty CPTĐ Miền Trung- Công ty CPTĐ Cường Thịnh Thi	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	10	2024	Quý IV	2025	850.000	121,0	Ha
74	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp và dịch vụ thể thao cộng đồng, huyện Thạch Thành.	Công ty cổ phần xây lắp Hoàng Thạch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5	2024	Quý IV	2025	26.500	0,8	Ha
75	Khu DVTMTH Lộc Linh, huyện Thọ Xuân.	Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Lộc Linh	Sở Công Thương	1	2024	Quý II	2025	20.000	1,0	Ha
76	Khu DVTMTH Mạnh Hải, huyện Thọ Xuân.	Công ty TNHH thương mại và đầu tư Mạnh Hải	Sở Công Thương	1	2024	Quý II	2025	30.000	1,0	Ha
77	Showroom ô tô Mạnh Hải.	Công ty TNHH tm Mạnh Hải	Sở Công Thương	2	2023	Quý II	2025	45.000		
78	Khu thương mại tổng hợp tại phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa.	Công ty cổ phần may Thanh Hóa	Sở Công Thương	10	2023	Quý III	2025	110.600		
79	Bến xe khách và khu du lịch thương mại tổng hợp Đại An tại thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành.	Công ty TNHH dịch vụ - TM Đại An	Sở Xây dựng	6	2021	Quý II	2025	35.000	2,1	Ha
80	Cảng tổng hợp Quang Trung, thị xã Nghi Sơn.	Công ty TNHH Quang Trung	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	7	2021	Quý IV	2025	450.000	1	Bến cảng
81	Cảng tổng hợp Long Sơn, thị xã Nghi Sơn.	Công ty TNHH Long Sơn	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	9	2019	Quý IV	2025	2.300.000	20.000,0	Tấn sản phẩm/năm
82	Cảng container Long Sơn, thị xã Nghi Sơn.	Công ty TNHH Long Sơn	Ban QLKK Nghi Sơn và các KCN	10	2023	Quý IV	2025	2.400.000	1,2	Triệu container/năm
83	Khách sạn Hoa Hồng Biển, thành phố Sầm Sơn.	Công ty TNHH Khách sạn Hoa Hồng Biển	Sở Công Thương	4	2024	Quý II	2025	150.000	200,0	Phòng
84	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, huyện Hậu Lộc.	NHNN VÀ PTNT	Sở Công Thương	11	2024	Quý IV	2025	25.000		
85	Khu du lịch sinh thái cộng đồng.	HỢP TÁC XÃ DU LỊCH HOMESTAY NHƯ XUÂN	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	2024	Quý IV	2025	20.000		
86	Làng du lịch Yên Trung, xã Yên Trung, huyện Yên Định.	Tổng công ty đầu tư xây dựng và thương mại Anh Phát - Công ty cổ phần	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3	2025	Quý IV	2025	122.200	85.718,0	m2